

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HSST
Ngày 31/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Cường;
Bà Lê Thị My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày ngày 10 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

Đặng Ngọc S, sinh ngày 02/5/2002 tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn L, xã V, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đặng Văn B và bà Hồ Thị H (đều đã chết); vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2020 cho đến nay, có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Cháu Trần Hữu D, sinh ngày 01/8/2004; người đại diện hợp pháp của cháu D: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1967 (là cha đẻ); đều trú tại: Thôn H, xã V, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Hữu T, sinh năm 1967 và bà Lê Thị T, sinh năm 1965; đều trú tại: Thôn H, xã V, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; do ông Trần Hữu T làm người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 10/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Linh). Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm: 1985 và chị Trần Thị H, sinh năm: 1990; đều

trú tại: Khu phố A, thị trấn H, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Duy L; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt;

Anh Nguyễn Thái S; trú tại: Thôn T, xã V, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Ngọc S có quan hệ quen biết với Trần Hữu D, trước đây đã vài lần S mượn xe máy của D đi chơi. Khoảng 20 giờ ngày 30/9/2020, vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên S nảy sinh ý định mượn xe máy của D để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. S dùng tài khoản Facebook “Ngọc S”, sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình nhắn tin qua tài khoản Facebook “Trần H.D” với nội dung “Em giúp anh một chuyện được không, cho anh mượn xe lên nhà người yêu chơi đến sáng trước 07 giờ anh đem xe về cho em”, D đồng ý. Sau đó, S nhắn tin nhờ Nguyễn Duy L chở đến nhà D. L mượn xe máy hiệu Espero màu đen, biển kiểm soát 74AA-02565 của Hoàng Tiến C, trú tại thôn L, xã V chở S đi. Khi đến cổng, thấy D dắt từ trong khu vực nhà ra 01 xe máy hiệu Bosscity màu xanh xám đen, biển kiểm soát 74AA-018.59 (xe của ông Trần Hữu T bỏ để của D) và lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (mang tên Trần Hữu T) để vào trong cốp xe rồi đưa xe cho S mượn. Có được xe, S điều khiển xe máy đến hiệu cầm đồ “Đức T” của anh Nguyễn Khánh T ở khu phố A, thị trấn H thì gặp chị Trần Thị H (vợ anh T) nói: “Cho em cầm chiếc xe”, chị H nói: “Cầm xe chi, có giấy tờ không?”, S đưa chứng minh nhân dân của mình và giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 74AA-018.59 cho chị H xem. Chị H nói xe không chính chủ nên nhận cầm cố với số tiền 2.700.000 đồng, thời hạn từ ngày 30/9/2020 đến ngày 05/10/2020, nhưng chỉ đưa cho S số tiền 2.500.000 đồng, còn 200.000 đồng giữ lại để tính tiền lãi.

Đến ngày 02/10/2020, sau khi đã tiêu xài hết số tiền trên, S dùng điện thoại di động sử dụng tài khoản Facebook của mình nhắn tin cho anh T giao dịch tăng thêm 1.000.000 đồng tiền cầm cố xe. Sau đó, vì muốn bán luôn chiếc xe nên vào lúc 18 giờ 37 phút ngày 04/10/2020, S nhắn tin cho anh T đưa thêm 800.000 đồng, anh T đồng ý. Tổng số tiền bán chiếc xe máy là 4.300.000 đồng, S đã tiêu xài hết. Đến ngày 06/10/2020, anh T bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Thái S, trú tại: Thôn T, xã V, huyện Vĩnh Linh, với giá 6.000.000 đồng. Đến hẹn không thấy S trả xe, cháu D cùng gia đình mình nhiều lần liên lạc và đến nhà S để đòi xe nhưng S trốn tránh không trả. Ngày 06/10/2020, cháu D cùng gia đình có đơn trình báo sự việc với cơ quan Công an. Quá trình điều tra, S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số: 694/KLGĐTS ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Linh, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Bosscity, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 74AA-018.59 có giá trị 11.379.300 đồng.

Quá trình điều tra, đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Bosscity, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 74AA-018.59, số máy MBL55F000162, số khung 5UMFT1000162, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 018456, biển kiểm soát 74AA-018.59 mang tên Trần Hữu T (hiện đã trả lại cho chủ sở hữu); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám, dung lượng 64G, số IMEI: 35441106030242, bên trong máy có sim điện thoại mạng Viettel số thuê bao: 0338812085, số seri: 8984048000066240766, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Đặng Ngọc S.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS-VL ngày 09 tháng 03 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố bị cáo Đặng Ngọc S về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Đặng Ngọc S từ 09 (*chín*) tháng đến 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về TNDS: Áp dụng Điều 212 BLTTDS, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Khánh T và chị Trần Thị H, bị cáo phải bồi hoàn cho anh T, chị H 4.300.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám của bị cáo là phương tiện phạm tội; trả lại cho bị cáo 01 thẻ sim số thuê bao: 0338812085, số seri: 8984048000066240766 có trong máy điện thoại bị thu giữ là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm, bị cáo có nguyện vọng được trả lại nên giao trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố là đúng. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xét xử bị cáo với mức hình phạt thấp, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp;

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại

phiên tòa, tuy nhiên họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên xét thấy việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Phân tích chứng cứ buộc tội và gỡ tội đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Lợi dụng sự tin tưởng của cháu Trần Hữu D, ngày 30/8/2020, tại nhà ông Trần Hữu T ở thôn H, xã V, huyện Vĩnh Linh, Đặng Ngọc S đã đưa ra thông tin gian dối để cháu D giao xe mô tô nhãn hiệu Bosscity, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 74AA-018.59 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Hữu T kèm theo (xe mô tô thuộc sở hữu của ông T, bà T giao cho cháu D sử dụng để đi lại) cho S mượn. Sau khi mượn được xe, S đã đưa đi cầm cố và bán cho anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị H với số tiền 4.300.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Theo kết luận định giá tài sản số: 694/KLGĐTS ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vĩnh Linh: Xe mô tô nhãn hiệu Bosscity, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 74AA-018.59 có trị giá 11.379.300 đồng. Do vậy, hành vi nêu trên của Đặng Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ; đồng thời gây mất trật tự trị an trên địa bàn, nên cần phải xử phạt nghiêm.

Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt thấp; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xem xét toàn diện mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để xem xét quyết định xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt theo hướng cách ly ra ngoài xã hội một thời gian trong khoảng 09 đến 12 tháng tù mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục trực tiếp bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội đối với những kẻ chây lười lao động nhưng lại muốn hưởng thụ bằng chính tài sản của người khác.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, thì bị cáo Đặng Ngọc S còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung. Nhưng xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, đã thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Bosscity, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 74AA-018.59 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của ông Trần Hữu T và bà Lê Thị T, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu; ông T, bà T sau khi nhận lại xe không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 4.300.000 đồng bị cáo S có được từ việc cầm và bán xe mô tô biển kiểm soát 74AA-018.59 cho anh Nguyễn Khánh T và chị Trần Thị H, hiện xe mô tô đã được thu hồi để trả lại cho người bị hại, bị cáo S cùng với anh Nguyễn Khánh T và chị Trần Thị H đã thỏa thuận (biên bản thỏa thuận ngày 04/02/2021 tại cơ quan điều tra): Bị cáo hoàn trả lại cho anh T, chị H số tiền 4.300.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng Điều 212 BLTTDS, ghi nhận sự thỏa thuận trên của bị cáo với anh T và chị H.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám của bị cáo S, bị cáo đã sử dụng điện thoại vào mạng xã hội facebook đưa ra thông tin gian dối để hực hiện hành vi phạm tội, đây là phương tiện phạm tội, cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với thẻ sim số thuê bao: 0338812085, số seri: 8984048000066240766 bị thu giữ là tài sản của bị cáo, thẻ sim này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đặng Ngọc S để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc S phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ;

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 212 BLTTDS: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với anh Nguyễn Khánh T và chị Trần Thị H: Bị cáo S hoàn trả cho anh T và chị H số tiền: 4.300.000 (bốn triệu ba trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền gốc phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 thẻ sim số thuê bao: 0338812085, số seri: 8984048000066240766; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám (*vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị*).

[2]. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đặng Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- VKS H.Vĩnh Linh;
- CQĐT CA H.Vĩnh Linh;
- CC THADS H.Vĩnh Linh;
- VKSND T.Quảng Trị;
- TAND T.Quảng Trị;
- Sở Tư pháp T.Quảng Trị;
- Lưu h/s, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Hoan

(đã ký)